



**Công ty Cổ phần Bia
Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận đăng ký
Kinh doanh số**

3503000233
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008
ngày 16 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4100739909 ngày 16 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thành Điền
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán Trưởng

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) - Trụ sở chính (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Trụ sở chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) - Trụ sở chính (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Trụ sở chính cho năm và giai đoạn sáu tháng kết thúc lần lượt ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này lần lượt trong báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 1 năm 2019 và báo cáo soát xét ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00265-19-1



Hà Võ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		178.860.211.921	182.883.520.936
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	41.250.277.869	22.868.276.390
Tiền	111		3.250.277.869	22.868.276.390
Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.217.495.792	75.119.731.498
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7(a)	26.581.089.056	61.912.662.174
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.296.914.283	13.904.074.306
Phải trả nội bộ ngắn hạn	133	7(b)	23.185.155.695	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.131.694.544	325.916.104
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.022.921.086)	(1.022.921.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.045.563.300	-
Hàng tồn kho	140	8	78.903.006.360	83.209.571.411
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.489.431.900	1.685.941.637
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.489.431.900	1.685.941.637

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		554.418.316.407	552.076.850.132
Các khoản phải thu dài hạn	210		165.462.730.365	165.462.730.365
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	9	165.462.730.365	165.462.730.365
Tài sản cố định	220		312.707.070.226	326.117.981.790
Tài sản cố định hữu hình	221	10	312.207.070.226	325.617.981.790
<i>Nguyên giá</i>	222		854.061.316.023	836.740.195.707
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(541.854.245.797)	(511.122.213.917)
Tài sản cố định vô hình	227	11	500.000.000	500.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		1.114.838.954	1.114.838.954
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(614.838.954)	(614.838.954)
Bất động sản đầu tư	230	12	8.084.788.858	7.642.458.122
<i>Nguyên giá</i>	231		9.795.838.071	9.179.007.071
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(1.711.049.213)	(1.536.548.949)
Tài sản dở dang dài hạn	240		20.274.830.582	2.141.195.133
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	20.274.830.582	2.141.195.133
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	23.262.376.645	23.262.376.645
Đầu tư vào công ty con	251		3.855.856.645	3.855.856.645
Đầu tư vào công ty liên kết	252		19.406.520.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	260		24.626.519.731	27.450.108.077
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	21.137.273.304	23.960.861.650
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.489.246.427	3.489.246.427
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		733.278.528.328	734.960.371.068

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		309.418.690.442	297.281.662.039
Nợ ngắn hạn	310		293.275.171.359	268.829.160.330
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16(a)	23.234.966.941	20.473.988.519
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		62.587.142	90.339.068
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	100.300.078.903	108.690.033.884
Phải trả người lao động	314		4.143.411.121	10.180.827.186
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.753.389.108	1.660.359.170
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	16(b)	78.661.600.681	8.376.530.945
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	36.969.697
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.716.244.998	39.923.936.889
Vay ngắn hạn	320	19(a)	64.513.875.252	76.893.875.252
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	3.889.017.213	2.502.299.720
Nợ dài hạn	330		16.143.519.083	28.452.501.709
Phải trả dài hạn khác	337		700.000.000	700.000.000
Vay dài hạn	338	19(b)	12.302.368.833	24.609.306.459
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.141.150.250	3.143.195.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		423.859.837.886	437.678.709.029
Vốn chủ sở hữu	410	21	423.859.837.886	437.678.709.029
Vốn cổ phần	411	22	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	64.457.934.536	57.457.657.413
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.935.423.350	81.754.571.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		865.920.851	7.070.278.707
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		60.069.502.499	74.684.292.909
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		733.278.528.328	734.960.371.068

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	492.137.952.074	367.862.914.438
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	1.052.284.240	920.002.192
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	491.085.667.834	366.942.912.246
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	400.631.222.416	309.373.738.578
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		90.454.445.418	57.569.173.668
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	5.645.941.158	232.549.482
Chi phí tài chính	22	29	2.591.979.234	4.033.906.932
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.591.979.234	3.995.449.738
Chi phí bán hàng	25	30	7.374.131.436	5.796.014.207
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	16.314.252.908	15.938.530.302
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		69.820.022.998	32.033.271.709
Thu nhập khác	31		4.596.685.141	4.425.894.926
Chi phí khác	32		736.818.401	525.124.217
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.859.866.740	3.900.770.709
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		73.679.889.738	35.934.042.418
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	13.610.387.239	18.066.802.998
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		60.069.502.499	17.867.239.420

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		73.679.889.738	35.934.042.418
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		31.505.834.153	31.479.384.355
Các khoản dự phòng	03		-	(5.820.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.645.941.158)	(223.402.664)
Chi phí lãi vay	06		2.591.979.234	3.995.449.738
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		102.131.761.967	71.179.653.847
Biến động các khoản phải thu	09		18.103.827.606	(46.591.707.916)
Biến động hàng tồn kho	10		4.483.121.642	(17.008.390.994)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		54.005.971.848	67.667.481.981
Biến động chi phí trả trước	12		3.044.163.083	1.190.452.424
			181.779.646.146	76.437.489.342
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.706.757.718)	(3.687.891.423)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.935.112.018)	(19.363.533.560)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		124.125.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.713.791.170)	(6.376.982.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		153.537.310.240	47.009.081.859
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(32.193.342.817)	(20.864.054.931)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	1.818.182
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.645.941.158	1.113.553.469
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.547.401.659)	(19.748.683.280)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	321.500.000.000	408.044.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(346.186.937.626)	(392.044.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(83.920.969.476)	(43.374.950.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(108.607.907.102)	(27.374.950.447)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	18.382.001.479	(114.551.868)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	22.868.276.390	1.987.986.069
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	41.250.277.869	1.873.434.201

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thanh Phúc
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:




Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 3 tháng 8 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp với mã giao dịch là SMB.

Công ty hoạt động tại Trụ sở chính tại Đắk Lắk (“Trụ sở chính”) và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (“Chi nhánh Quy Nhơn”) và tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (“Chi nhánh Phú Yên”). Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, công cụ và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc công nghiệp thực phẩm; đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trụ sở chính nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Số lượng nhân viên của Trụ sở chính

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Trụ sở chính có 185 nhân viên (1/1/2019: 188 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này chỉ bao gồm hoạt động của Trụ sở chính và không bao gồm hoạt động của công ty con và tại các chi nhánh trực thuộc. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (bao gồm Trụ sở chính và các chi nhánh trực thuộc) và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (bao gồm Công ty và công ty con và công ty liên kết).

Các giao dịch với các chi nhánh trực thuộc được ghi nhận trong báo cáo tài chính này giống như việc ghi nhận giao dịch với các pháp nhân khác. Số dư phải thu/phải trả với các chi nhánh được trình bày là phải thu/phải trả nội bộ. Vốn đầu tư ban đầu khi thành lập các chi nhánh được trình bày là vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất của Trụ sở chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 16 – 25 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Trụ sở chính và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Trụ sở chính từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Trụ sở chính và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Trụ sở chính chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) *Các khoản thanh toán thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Trụ sở chính tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Trụ sở chính là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Trụ sở chính hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bia. Các hoạt động khác là sản xuất kinh doanh rượu và nước giải khát; nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Ban Điều hành đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

Trụ sở chính hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bia. Các hoạt động khác là sản xuất kinh doanh rượu và nước giải khát; nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Trụ sở chính. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Trụ sở chính.

Về mặt địa lý, Trụ sở chính chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	59.023.648	577.801.576
Tiền gửi ngân hàng	3.191.254.221	22.290.474.814
Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	-
	41.250.277.869	22.868.276.390

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,5% một năm. (1/1/2019: Không).

7. Các khoản phải thu ngắn hạn

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(i) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	22.030.457.460	58.772.882.564
Các khách hàng khác	4.550.631.596	3.139.779.610
	26.581.089.056	61.912.662.174

(ii) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn	1.716.057.745	-
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	22.030.457.460	58.772.882.564
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	38.500.000	-
	22.068.957.460	58.772.882.564

Khoản phải thu thương mại từ công ty con và các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu nội bộ ngắn hạn

Phải thu nội bộ ngắn hạn phản ánh các khoản Trụ sở chính chi hộ cho các Chi nhánh.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.520.500	-	-	-
Nguyên vật liệu	32.439.931.480	-	34.751.336.587	-
Công cụ và dụng cụ	25.858.275.618	-	29.062.098.936	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.325.668.191	-	13.501.123.944	-
Thành phẩm	7.270.677.035	-	5.893.078.408	-
Hàng gửi đi bán	1.933.536	-	1.933.536	-
	78.903.006.360	-	83.209.571.411	-

9. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vốn kinh doanh ở Chi nhánh Quy Nhơn (i)	95.333.735.568	95.333.735.568
Vốn kinh doanh ở Chi nhánh Phú Yên (ii)	70.128.994.797	70.128.994.797
	165.462.730.365	165.462.730.365

(i) Chi nhánh Quy Nhơn đặt tại Khu Công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của Chi nhánh Quy Nhơn là sản xuất và kinh doanh bia.

(ii) Chi nhánh Phú Yên đặt tại 265 đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam. Hoạt động chính của Chi nhánh Phú Yên là sản xuất và kinh doanh bia và nước tinh khiết.

Công ty Cổ phần Bìa Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	141.186.781.830	684.405.500.093	9.826.525.319	587.755.817	733.632.648	836.740.195.707
Tăng trong kỳ	59.870.000	761.799.000	-	-	-	821.669.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	240.000.000	17.035.309.916	-	-	-	17.275.309.916
Giảm khác	-	(775.858.600)	-	-	-	(775.858.600)
Số dư cuối kỳ	141.486.651.830	701.426.750.409	9.826.525.319	587.755.817	733.632.648	854.061.316.023
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	59.783.774.839	445.120.518.186	5.321.581.179	282.652.926	613.686.787	511.122.213.917
Khấu hao trong kỳ	3.421.042.523	27.508.407.652	346.555.224	50.403.492	4.924.998	31.331.333.889
Giảm khác	-	(599.302.009)	-	-	-	(599.302.009)
Số dư cuối kỳ	63.204.817.362	472.029.623.829	5.668.136.403	333.056.418	618.611.785	541.854.245.797
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	81.403.006.991	239.284.981.907	4.504.944.140	305.102.891	119.945.861	325.617.981.790
Số dư cuối kỳ	78.281.834.468	229.397.126.580	4.158.388.916	254.699.399	115.020.863	312.207.070.226

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 132.848 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 13.743 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 25.945 triệu VND (1/1/2019: 27.476 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Trụ sở chính (Thuyết minh 19(b)).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	500.000.000	614.838.954	1.114.838.954
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	-	614.838.954	614.838.954
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	500.000.000	-	500.000.000

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 615 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 615 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Bất động sản đầu tư

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	5.677.127.858	5.234.797.122
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	8.084.788.858	7.642.458.122

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	6.771.346.071
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	616.831.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.388.177.071
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.536.548.949
Khấu hao trong kỳ	174.500.264
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.711.049.213
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	5.234.797.122
Số dư cuối kỳ	5.677.127.858
	<hr/>

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	2.407.661.000
	<hr/>

Trụ sở chính chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.141.195.133	223.946.474
Tăng trong kỳ	36.162.914.959	17.154.761.700
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.275.309.916)	(16.662.673.307)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(616.831.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(24.065.000)	(52.743.141)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(113.073.594)	(480.529.223)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	20.274.830.582	182.762.503

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Kho thành phẩm	10.870.363.636	310.000.000
Hệ thống thu hồi và làm giàu CO2	8.362.500.000	67.500.000
Các công trình khác	1.041.966.946	1.763.695.133
	<hr/>	<hr/>
	20.274.830.582	2.141.195.133

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2019 và 1/1/2019			
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào:				
Công ty con				
• Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn Công ty liên kết	Không áp dụng	100%	3.855.856.645	- (*)
• Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	1.963.579	20%	19.406.520.000	- (*)
			23.262.376.645	-

(*)

Trụ sở chính chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	10.629.422.863	9.521.257.904	3.810.180.883	23.960.861.650
Tăng trong kỳ	587.946.760	3.819.464.431	793.073.594	5.200.484.785
Phân bổ trong kỳ	(2.018.180.580)	(4.117.208.307)	(1.164.117.578)	(7.299.506.465)
Giảm khác	(724.566.666)	-	-	(724.566.666)
Số dư cuối kỳ	8.474.622.377	9.223.514.028	3.439.136.899	21.137.273.304

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả

(a) Phải trả người bán ngắn hạn

(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	15.588.828.264	10.018.452.477
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp Delta	896.659.500	4.008.292.440
Các nhà cung cấp khác	6.749.479.177	6.447.243.602
	23.234.966.941	20.473.988.519

(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
<i>Bên liên quan khác</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	15.588.828.264	10.018.452.477

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

(b) Phải trả nội bộ ngắn hạn

Phải trả nội bộ ngắn hạn phản ánh khoản lợi nhuận chuyển tạm thời từ các Chi nhánh về Trụ sở chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.286.663.466	90.390.890.673	(35.494.278.205)	(55.630.731.898)	10.552.544.036
Thuế tiêu thụ đặc biệt	89.733.425.926	411.695.994.206	-	(428.215.519.873)	73.213.900.259
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	5.950.821.791	25.017.251.926	-	(15.935.112.018)	15.032.961.699
Thuế thu nhập cá nhân	1.345.840.386	3.712.929.442	-	(3.762.864.794)	1.295.905.034
Thuế nhà đất	373.282.315	1.289.702.964	-	(1.458.217.404)	204.767.875
Các loại thuế khác	-	90.019.407	-	(90.019.407)	-
	108.690.033.884	532.196.788.618	(35.494.278.205)	(505.092.465.394)	100.300.078.903

(*)

Số Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ bao gồm 13.610.387.239 VND liên quan đến Trụ sở chính, phần còn lại là 11.406.864.687 VND liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi nhánh Quy Nhơn và Chi nhánh Phú Yên được kê khai và nộp thay bởi Trụ sở chính.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	7.679.895.250	31.705.976.826
Tài sản thừa chờ xử lý	1.349.833.752	-
Kinh phí công đoàn	754.341.428	707.881.008
Phải trả công ty con liên quan đến lợi nhuận chuyển dư	672.046.454	6.300.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	534.155.000	518.155.000
Phải trả ngắn hạn khác	725.973.114	691.924.055
	11.716.244.998	39.923.936.889

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019		Biến động trong kỳ		30/6/2019	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	52.280.000.000	321.500.000.000	(333.880.000.000)	39.900.000.000		
Vay dài hạn đến hạn trả	24.613.875.252	12.306.937.626	(12.306.937.626)	24.613.875.252		
	76.893.875.252	333.806.937.626	(346.186.937.626)	64.513.875.252		

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk(i)	VND	5,9%	20.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (ii)	VND	0,5%	18.400.000.000	18.400.000.000
Nhân viên Trụ sở chính (ii)	VND	7,0%	1.500.000.000	3.880.000.000
			39.900.000.000	52.280.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Đắk Lắk (“Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk”) có hạn mức tín dụng là 80.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Trụ sở chính. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ công ty liên kết, Công ty Cổ phần In – Thương Mại Phú Yên, và từ nhân viên Trụ sở chính không có đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8.6%	2020	17.625.000.000	23.500.000.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	8.6%	2020	19.291.244.085	25.723.181.711
				36.916.244.085	49.223.181.711
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(24.613.875.252)	(24.613.875.252)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				12.302.368.833	24.609.306.459

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.625 triệu VND và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Trụ sở chính.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.000 triệu VND và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Trụ sở chính.

Khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 25.945 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 27.476 triệu VND) theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB and 261017/MQK/HDTS ngày 26 tháng 10 năm 2017 (Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Trụ sở chính theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.502.299.720	(736.730.498)
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	14.195.077.642	24.680.998.430
Tăng khác	124.125.000	-
Chuyển sang các Chi nhánh	(3.220.738.979)	(5.272.000.000)
Sử dụng trong kỳ	(9.711.746.170)	(8.188.240.808)
Số dư cuối kỳ	3.889.017.213	10.484.027.124

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	298.466.480.000	51.094.708.896	127.654.169.654	477.215.358.550
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	17.867.239.420	17.867.239.420
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	6.362.948.517	(6.362.948.517)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(24.680.998.430)	(24.680.998.430)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(89.539.944.000)	(89.539.944.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	298.466.480.000	57.457.657.413	24.937.518.127	380.861.655.540
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	116.510.349.489	116.510.349.489
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(59.693.296.000)	(59.693.296.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	298.466.480.000	57.457.657.413	81.754.571.616	437.678.709.029
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	60.069.502.499	60.069.502.499
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	7.000.277.123	(7.000.277.123)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(14.195.077.642)	(14.195.077.642)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(59.693.296.000)	(59.693.296.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	298.466.480.000	64.457.934.536	60.935.423.350	423.859.837.886

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 119.387 triệu VND (tương đương 4,000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018, trong đó 59.693 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông năm 2018 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 89.540 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-DHCD ngày 28 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 7.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 6.363 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
EUR	301	7.922.853	310	8.157.312

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	488.827.757.657	365.331.384.318
▪ Cung cấp dịch vụ	3.310.194.417	2.531.530.120
	492.137.952.074	367.862.914.438
 Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.052.284.240	920.002.192
	491.085.667.834	366.942.912.246

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng giá vốn		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	400.436.938.004	309.189.734.682
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	194.284.412	184.003.896
	400.631.222.416	309.373.738.578

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.627.953.546	144.621.600
Lãi tiền gửi	17.987.612	87.927.882
	5.645.941.158	232.549.482

29. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.591.979.234	3.995.449.738
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	38.457.194
	2.591.979.234	4.033.906.932

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.588.683.070	1.692.734.489
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	231.148.914	195.576.063
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	25.988.856	93.207.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.075.729.974	3.145.186.296
Chi phí bán hàng khác	452.580.622	669.310.259
	7.374.131.436	5.796.014.207

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.385.041.806	5.242.580.180
Chi phí khấu hao và phân bổ	953.842.182	911.082.028
Chi phí thuê	1.381.133.137	2.204.786.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	599.712.616	613.096.144
Chi phí quản lý khác	6.994.523.167	6.966.985.241
	16.314.252.908	15.938.530.302

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	328.236.006.857	239.670.371.928
Chi phí nhân công và nhân viên	20.223.340.003	17.337.303.211
Chi phí khấu hao và phân bổ	31.505.834.153	31.479.384.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.087.756.482	16.815.626.024
Chi phí khác	26.266.669.265	25.805.597.569

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	13.610.387.239	18.066.802.998

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.679.889.738	35.934.042.418
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.735.977.948	7.186.808.484
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	49.484.320
Thuế phát sinh từ lợi nhuận của các Chi Nhánh	-	10.859.434.514
Thu nhập không bị tính thuế	(1.125.590.709)	(28.924.320)
	13.610.387.239	18.066.802.998

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ Trụ sở chính có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Các Chi nhánh của Công ty		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Chi nhánh Quy Nhơn		
Chi phí chi hệ bởi Trụ sở chính	11.035.422.504	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Chi nhánh Phú Yên		
Chi phí chi hệ bởi Trụ sở chính	12.149.733.191	-
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn		
Bán hàng (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	13.380.260.048	9.311.441.596
Mua công cụ dụng cụ	704.191.680	-
Lợi nhuận được chia	5.627.953.546	-
Bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán hàng (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	458.881.031.783	347.104.981.040
Mua nguyên vật liệu	286.189.756.291	224.312.605.309
Cổ tức	38.469.452.000	14.426.044.500
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	-	330.211.200
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Bán hàng	105.000.000	105.000.000
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên		
Nhận cổ tức	-	144.621.600
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.374.216.000	1.330.104.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Trụ sở chính
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Trụ sở chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:


Trần Thị Thanh Phúc
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:


Vũ Tuấn Anh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**

Số 241 /CV-CT

"V/v: Công bố thông tin BCTC Bán niên
soát xét năm 2019, giải trình lợi nhuận
biến động 10% trở lên so với cùng kỳ
bán niên soát xét 2018 và giải trình lợi
nhuận biến động 5% so với báo cáo
KQHĐKD trong BCTC Quý II/2019 tại
Văn phòng chính Daklak"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG (VĂN PHÒNG CHÍNH)
2. Mã chứng khoán: SMB
3. Địa chỉ văn phòng chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Tuấn Anh
6. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Bán niên soát xét năm 2019 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung (Văn phòng chính) được Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại TP. HCM kiểm toán ngày 12/08/2019 bao gồm: Báo cáo của Ban Giám đốc, BCĐKT Bán niên năm 2019, BCKQKD Bán niên năm 2019, BCLCTT Bán niên năm 2019, TMBCTC Bán niên năm 2019.
7. Nội dung giải trình:
 - 7.1 Giải trình lợi nhuận bán niên soát xét 2019 biến động 10% trở lên so với cùng kỳ:

Căn cứ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận sau thuế tại Văn phòng Daklak Bán niên năm 2019 đạt 60.069,5 triệu đồng, so với cùng kỳ năm 2018 tăng 42.202,3 triệu đồng (Bán niên năm 2018 đạt 17.867,2 triệu đồng). Do nguyên nhân chủ yếu sau:

a. Trong Bán niên năm 2019, sản lượng tiêu thụ tăng 8,044 triệu lít, sản lượng sản xuất cũng tăng 5,614 triệu lít so với Bán niên năm 2018 làm cho lợi nhuận gộp tăng lên 32.885,3 triệu đồng so với Bán niên năm 2018.

b. Doanh thu hoạt động tài chính Bán niên năm 2019 tăng 5.413,4 triệu đồng so với Bán niên năm 2018, là do chuyển 5.627 triệu đồng lợi nhuận năm 2018 của Công ty TNHH MTV TM DV Bia Quy Nhơn chuyển về Trụ sở chính.



c. Chi phí tài chính Bán niên năm 2019 giảm hơn so với cùng kỳ năm 2018 làm cho lợi nhuận trước thuế tăng lên 1.441,9 triệu đồng.

d. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp Bán niên năm 2019 tăng hơn so với cùng kỳ năm 2018 là 1.953,8 triệu đồng.

e. Lợi nhuận khác Bán niên năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018 là 40,9 triệu đồng.

Những yếu tố trên làm cho lợi nhuận trước thuế Bán niên năm 2019 tăng lên 37.745,9 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Lợi nhuận Bán niên năm 2019 là 73.679,9 triệu đồng/ Lợi nhuận Bán niên năm 2018 là 35.934 triệu đồng). Thuế TNDN Bán niên năm 2019 là 13.610,4 triệu đồng giảm 4.456,4 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018 (18.066,8 triệu đồng). Từ đó làm cho lợi nhuận sau thuế Bán niên năm 2019 tăng 42.202,3 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018.

7.2 Giải trình giải lợi nhuận bán niên soát xét 2019 biến động 5% so với báo cáo KQHĐKD trong BCTC Quý II/2019

Do trước đây Văn phòng chính Daklak hạch toán phần thuế TNDN cho toàn Công ty. Sau khi kiểm toán đơn vị kiểm toán KPMG yêu cầu tách phần thuế TNDN bán niên năm 2019 của từng đơn vị, mỗi đơn vị hạch toán riêng. Nên phần thuế TNDN sau soát xét tại Văn phòng chính giảm 11.406,8 triệu đồng làm cho lợi nhuận sau thuế tăng tương ứng. Chi nhánh Quy Nhơn hạch toán tăng thuế TNDN 8.066,5 triệu đồng, Chi nhánh Phú Yên hạch toán tăng thuế TNDN 3.340,3 triệu đồng.

Trên đây là nội dung giải trình lợi nhuận biến động 10% trở lên so với cùng kỳ bán niên soát xét 2018 và giải trình lợi nhuận biến động 5% so với báo cáo KQHĐKD trong BCTC Quý II/2019 tại Văn phòng chính Daklak theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.

8. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ giải trình: biasaigonmt.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐƯỢC HOCBT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ TUẤN ANH